

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/DS - PT

Ngày 01-6-2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán:

Ông Tống Văn Viên

Ông Lê Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Thia - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2021/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 78/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2022 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 111/TB-TA ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Sô 1/12A, khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N: Ông Võ Hùng H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 310, đường Nguyễn Đáng, khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh là người đại diện theo uỷ quyền (theo văn bản uỷ quyền ngày 02/3/2022, có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tô H, sinh năm 1967. (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Tố H: Bà Trần Thị H, sinh năm 1950. Địa chỉ: Ấp Ba Tục A, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh là người đại diện theo uỷ quyền (theo văn bản uỷ quyền ngày 30/5/2022).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thụ N, sinh năm 2003

Địa chỉ: ấp A, xã B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo uỷ quyền của Nguyễn Thụ N: Chị Trần Thị Kim Hồng Ngân, sinh năm 1992. Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. Nguyễn Thụ H, sinh năm 2005

Địa chỉ: ấp A, xã B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Thụ H: Bà Nguyễn Thị Tố H, sinh năm 1967 (mẹ ruột của Nguyễn Thụ H).

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tố H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào tháng 10/2013, ông Nguyễn Văn N có vay của Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh số tiền 80.000.000 đồng nhưng ông N không có nhu cầu sử dụng nên đã cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Tố H, ông Nguyễn Văn Thụ (em ruột và em dâu của ông N) vay lại, khi vay thì không có làm biên nhận nhưng đến khi ông Thụ chết vào khoảng tháng 10/2014 thì bà H có làm biên nhận cho ông N. Qua nhiều lần trả đến ngày 04/01/2017 bà H còn nợ lại ông N số tiền là 36.543.407 đồng và có ký biên nhận chốt nợ. Sau đó do có chút mâu thuẫn gia đình nên bà H không tiếp tục trả nợ cho ông N. Nay ông N yêu cầu bà H phải trả cho ông N số tiền nợ còn thiếu là 36.543.407 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/01/2017 đến ngày 04/8/2019 với mức lãi suất 1,6%/tháng là 18.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà H trả tiền gốc là 36.543.407 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/01/2017 đến ngày 04/8/2019 với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tiền lãi từ ngày 05/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tố H trình bày:

Bà không có vay tiền và cũng không biết gì về việc chồng bà là ông Nguyễn Văn Thụ vay tiền của ông N như lời ông N trình bày. Vào ngày đám tang chồng bà là ông Thụ, khi vừa chôn cất xong thì ông N có đưa cho bà ký giấy nợ 67.000.000 đồng nói là ông Thụ thiếu ông N, khi đó bà mệt mỏi vì phải chăm sóc chồng khi bệnh đến khi mất và lo đám tang, trong lúc không bình tĩnh suy nghĩ và vì tin tưởng ông N nên bà đã ký tên vào giấy mà ông N đưa cho bà nhận nợ 67.000.000 đồng. Từ đó vì đã ký nhận nợ với ông N nên bà đã trả cho ông N 42.000.000 đồng, số tiền này là trả nợ ông N cho ông Thụ vay theo yêu cầu của ông N chứ bà hoàn

toàn không biết ông Thụ có vay của ông N hay không. Nay bình tĩnh suy nghĩ lại thì ông N không có chứng cứ gì chứng minh được ông Thụ có vay tiền của ông N nên bà không đồng ý tiếp tục trả số tiền 36.543.407 đồng theo yêu cầu của ông N. Bà có yêu cầu phản tố yêu cầu ông Nguyễn Văn N phải trả lại cho bà số tiền bà đã trả cho ông N là 42.000.000 đồng và buộc ông N phải trả cho bà số tiền ông N thiếu bà gồm tiền đồ cát cho sân trường Văn hóa nghệ thuật Trà Vinh do ông N nhận thay bà là 700.000 đồng, tiền chở bê tông đổ đường đi vào nhà ông N là 50.000 đồng và tiền ông N vay của bà 2.000.000 đồng, tổng cộng 44.750.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H rút lại yêu cầu phản tố đối với yêu cầu ông N trả cho bà 2.750.000 đồng bao gồm tiền đồ cát 700.000 đồng, tiền chở bê tông 50.000 đồng và tiền vay 2.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2021/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 71; Điều 86; Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Tố H phải trả cho ông Nguyễn Văn N số nợ 36.543.407 đồng và 9.402.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 45.945.407 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Tố H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N phải trả lại cho bà số tiền 42.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà H về việc buộc ông N phải trả cho bà số tiền 2.750.000 đồng bao gồm tiền đồ cát 700.000 đồng, tiền chở bê tông 50.000 đồng và tiền vay 2.000.000 đồng. Phần yêu cầu đã đình chỉ này bà H có quyền khởi kiện lại bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, bà Nguyễn Thị Tố H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn N và buộc ông N trả cho bà số tiền 42.000.0000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Nguyễn Thị Tố H cũng như người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa cho thấy, các biên nhận đề ngày 15/7/2015 và ngày 04/01/2017 có chữ ký của bà H xác nhận có nợ tiền của ông N, các biên nhận này được bà H thừa nhận. Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh các anh chị em của chồng bà H, họ cũng thừa nhận có nghe bà H nói là có nợ tiền ông N. Từ đó có cơ sở khẳng định bà H có nợ ông N số tiền 36.543.407 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, bà H có cung cấp tờ biên nhận ngày 15/7/2015 để chứng minh là bà đã trả cho ông N được số tiền 20.000.000 đồng và cho rằng các chữ viết số trong tờ biên nhận này là của ông N. Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã trưng cầu giám định, tại kết luận giám định số: 272/KL – KTHS ngày 25/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Trà Vinh kết luận chữ viết số mẫu so với chữ viết số trong tờ biên nhận không cùng một người viết ra. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù nguyên đơn ông N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là ông có đưa 80.000.000 đồng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Thụ và bà Nguyễn Thị Tố H vay vào năm 2013. Tuy nhiên, sau khi ông Thụ chết, ngày 15/7/2015 bà H có ký xác nhận còn nợ N số tiền 47.443.257 đồng, ngày 04/01/2017 bà H lại ký xác nhận còn nợ ông N số tiền 36.543.407 đồng. Bà H là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức rõ hành vi của mình nên việc bà cho rằng ông N lừa dối bà, đưa cho bà ký xác nhận nợ trong lúc bà không bình tĩnh suy nghĩ là không có cơ sở. Hơn nữa bà H ký xác nhận nợ tới 02 lần, lần thứ nhất cách lần thứ 02 gần 02 năm thì không thể nói là do bà không không bình tĩnh, suy nghĩ khi ký xác nhận nợ cho ông N được. Ngoài ra, qua xác minh bà Nguyễn Thị Hà, ông Nguyễn Văn Trường là anh chị em ruột của chồng bà H, đều cho rằng trước đây có nghe bà H nói là bà H có thiếu tiền ông N chưa trả.

[2] Trong quá trình xét xử phúc thẩm, bà H xuất trình cho Tòa án giấy xác nhận nợ ngày 15/7/2015, theo bà H thì tại giấy xác nhận nợ này bà đã trả cho ông N số tiền 20.000.000 đồng và cho rằng các chữ viết số “47.443.257 - 20.000.0000 = 27.443.257” trên giấy xác nhận nợ ngày 15/7/2015 do bà cung cấp là chữ viết của ông N, bà yêu cầu giám định các chữ viết số này. Tại Kết luận giám định số:

272/KL – KTHS ngày 25/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Trà Vinh kết luận: Chữ viết số “47.443.257”; “20.000.000”; “27443257” trên tờ giấy A4 ngày 15/7/2015 (ký hiệu A) so với chữ viết số của ông Nguyễn Văn N trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1. M2) không do cùng một người viết ra.

[3] Từ những phân tích trên [1], [2], xét thấy việc bà H cho rằng không có nợ ông N số tiền 36.543.407 đồng là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H.

[4] Về chi phí giám định: Chi phí giám định số tiền 4.411.000 đồng, do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của bà H là không có căn cứ nên bà H phải chịu chi phí giám định này. Tuy nhiên, phía đại diện của nguyên đơn có ý kiến nguyên đơn ông N tự nguyện chịu số tiền 1.411.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Do đó, buộc bà H phải chịu 3.000.000 đồng lệ phí giám định, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông N chịu 1.411.000 đồng lệ phí giám định. Các bên đã nộp xong, không phải nộp tiếp.

[5] Ý kiến của vị Kiểm sát viên như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị đơn bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Tố H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2021/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 148 và Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Tố H phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn N số nợ 36.543.407 đồng và 9.402.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 45.945.407 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Tố H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N phải trả lại cho bà số tiền 42.000.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Tố H về việc buộc ông Nguyễn Văn N phải trả cho bà số tiền 2.750.000 đồng bao gồm tiền đồ cát 700.000 đồng, tiền chở bê tông 50.000 đồng và tiền vay 2.000.000 đồng. Phần yêu cầu đã đình chỉ này bà H có quyền khởi kiện lại bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Tố H phải chịu 4.397.270 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được vào số tiền tạm ứng án phí 1.120.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000923 ngày 01/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, bà H phải nộp thêm số tiền là 3.277.270 đồng. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006244 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

5. Về chi phí giám định: Chi phí giám định số tiền 4.411.000.000 đồng, buộc bà H phải chịu 3.000.000 đồng, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông N chịu 1.411.000 đồng. Các bên đã nộp xong, không phải nộp tiếp.

6. Về án phí phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Tố H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007459 ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thành phố Trà Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Trà Vinh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng

